

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

*(Ban hành theo Quyết định số 113/QĐ-KTKT, ngày 01 tháng 3 năm 2021
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Cần Thơ)*

Tên ngành: QUẢN LÝ VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ LOGISTICS

Mã ngành: 6340439

Trình độ đào tạo: Cao đẳng

Hình thức đào tạo: (Chính quy / Vừa học vừa làm)

Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương.

Thời gian đào tạo: 3 năm

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung:

Đào tạo chuyên viên thực hành trình độ cao đẳng ngành Quản lý vận tải và dịch vụ logistics có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp và sức khỏe tốt; có các kiến thức nền tảng về khoa học cơ bản, công nghệ thông tin, ngoại ngữ, kinh tế và quản trị; có kiến thức chuyên sâu trong lĩnh vực quản lý vận tải và dịch vụ logistics; có khả năng tham gia hoạch định chiến lược, chính sách, kế hoạch và tổ chức hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp dịch vụ logistics và vận tải.

1.2. Mục tiêu cụ thể:

1.2.1. Kiến thức:

Sinh viên tốt nghiệp ngành Quản lý vận tải và dịch vụ logistics được trang bị những kiến thức sau đây:

- Có kiến thức nền tảng về khoa học cơ bản, pháp luật, kinh tế học, tài chính, kế toán, thuế và quản trị nhằm đáp ứng việc tiếp thu tốt các kiến thức giáo dục nghề nghiệp và khả năng học tập ở trình độ cao hơn;

- Kiến thức tin học, ngoại ngữ;

- Kiến thức chuyên sâu trong lĩnh vực quản lý vận tải và dịch vụ logistic như: Quản trị hàng tồn kho và bao bì, vận tải đa phương thức, quy trình giao nhận hàng hóa, nghiệp vụ ngoại thương, quản trị logistics và chuỗi cung ứng, quản trị xử lý đơn hàng, thương vụ vận tải, nghiệp vụ khai báo hải quan, thương mại điện tử...

1.2.2. Kỹ năng:

Sinh viên tốt nghiệp ngành Quản lý vận tải và dịch vụ logistics có các kỹ năng sau đây:

- Lập kế hoạch và tổ chức hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp có hoạt động vận tải và dịch vụ logistics; có khả năng phân tích, giải quyết các tình huống phát sinh liên quan đến hoạt động cung ứng dịch vụ logistics và vận tải;

- Lập kế hoạch, tổ chức thực hiện và quản lý kho bãi, xếp dỡ, giao nhận, bảo quản hàng hóa, vận tải và cung ứng;

- Khai báo hải quan hàng hóa xuất nhập khẩu, áp dụng các kiến thức vận tải và dịch vụ logistics vào quy trình thực hiện một hợp đồng ngoại thương;

- Đóng góp cho doanh nghiệp trong việc xây dựng một hệ thống vận tải và logistics nhằm tối ưu hóa chi phí, tiết kiệm thời gian, giúp doanh nghiệp tạo được lợi thế cạnh tranh;

- Biết sử dụng tiếng Anh trong giao tiếp và trong công tác chuyên môn, đáp ứng đòi hỏi của các doanh nghiệp trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế;

- Biết ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông vào công tác chuyên môn;

- Tự tìm kiếm cơ hội kinh doanh để tạo lập doanh nghiệp cho bản thân;

- Có kỹ năng viết và trình bày báo cáo, kỹ năng làm việc nhóm, hợp tác với các đồng nghiệp; kỹ năng lập kế hoạch và tổ chức công việc; kỹ năng giao tiếp và ứng xử trong môi trường kinh doanh;

- Có phong cách làm việc chuyên nghiệp, đáp ứng được yêu cầu của các doanh nghiệp;

- Có khả năng học tập, nghiên cứu để nâng cao trình độ nhằm đáp ứng yêu cầu nghề nghiệp trong điều kiện của nền kinh tế thị trường.

1.2.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

Chương trình đào tạo hướng đến việc giáo dục cho sinh viên phẩm chất đạo đức tốt, có thái độ làm việc đúng mực, coi trọng đạo đức nghề nghiệp, có năng lực về chuyên môn, nghiệp vụ đã được đào tạo; có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; làm việc có trách nhiệm, quan tâm đến lợi ích cộng đồng, đảm bảo các nghiệp vụ được thực hiện đúng với Pháp luật về quản lý vận tải hiện hành.

1.3. Vị trí làm việc sau tốt nghiệp:

Sinh viên tốt nghiệp ngành Quản lý vận tải và dịch vụ logistics có thể làm việc tại các đơn vị sau:

- Các doanh nghiệp có hoạt động vận tải và dịch vụ logistics;

- Các phòng ban chuyên môn thuộc đơn vị quản lý về giao thông vận tải;

- Cơ quan hải quan với vai trò là người thực hiện trực tiếp hoặc điều hành và quản lý.

2. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học:

- Số lượng môn học: 35
- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: 85 tín chỉ (không kể học phần Công tác xã hội 01 tín chỉ)
- Khối lượng các môn học chung/đại cương: 435 giờ (20 TC)
- Khối lượng các môn học chuyên môn: 1.620 giờ (65 TC)
- Khối lượng lý thuyết: 735 giờ
- Khối lượng thực hành, thực tập, thí nghiệm: 1.320 giờ

3. Nội dung chương trình:

3.1 Danh mục và thời lượng các môn học:

Mã MH	Tên môn học	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/thực tập/thí nghiệm/bài tập/thảo luận	Thi/kiểm tra
I	Các môn học chung	20	435	157	255	23
CMC108	Giáo dục chính trị 1	2	30	20	8	2
CMC205	Giáo dục chính trị 2	2	45	21	21	3
CMC204	Pháp luật	2	30	18	10	2
CMC202	Giáo dục thể chất	2	60	05	51	4
CMC301	Giáo dục Quốc phòng và An ninh 1	2	30	20	8	2
CMC401	Giáo dục Quốc phòng và An ninh 2	2	45	16	27	2
CMC103	Tin học	3	75	15	58	2
CMC109	Tiếng anh 1	2	45	15	28	2
CMC207	Tiếng anh 2	3	75	27	44	4
CXH101	Công tác xã hội	1	45	0	45	0
II	Các môn học chuyên môn	65	1.620	505	1.065	50
II.1	Môn học cơ sở	18	330	192	120	18
CKD101	Kinh tế vi mô	3	60	27	30	3
CKD102	Quản trị học	2	30	28	0	2
CKT201	Nguyên lý kế toán	3	60	27	30	3
CKD203	Marketing căn bản	2	30	28	0	2
CNH305	Thuế	3	60	27	30	3

CLG201	Thanh toán quốc tế	3	45	42	0	3
CNH307	Tài chính doanh nghiệp	2	45	13	30	2
II.2	Môn học chuyên môn	36	930	274	630	26
CLG407	Giao nhận hàng hóa	3	45	42	0	3
CLG408	Quản trị hàng tồn kho và bao bì	3	60	27	30	3
CLG307	Anh văn chuyên ngành	2	45	13	30	2
CLG305	Vận tải đa phương thức	3	45	42	0	3
CLG409	Nghiệp vụ ngoại thương	3	60	27	30	3
CTH408	Thương mại điện tử	2	45	13	30	2
CLG306	Nghiệp vụ khai báo hải quan	2	45	13	30	2
CLG406	Quản trị xử lý đơn hàng	3	45	42	0	3
CLG501	Quản trị Logistics và chuỗi cung ứng	3	60	27	30	3
CLG505	Thương vụ vận tải	2	30	28	0	2
CLG506	Thực tập doanh nghiệp 1	7	315	0	315	0
CLG601	Thực tập doanh nghiệp 2	3	135	0	135	0
II.3	Môn học tự chọn	6	135	39	90	6
CKD202	Kỹ năng giao tiếp trong kinh doanh	2	45	13	30	2
CLG202	Bảo hiểm hàng hóa	2	45	13	30	2
CLG602	Phân tích hoạt động kinh doanh	2	45	13	30	2
CLG101	Tài chính - Tiền tệ	2	45	13	30	2
CXN303	Kinh doanh quốc tế	2	45	13	30	2
CLG603	Quản trị chất lượng	2	45	13	30	2
II.4	Thực tập tốt nghiệp	5	225	0	225	0
Tổng cộng		85	2.055	662	1.320	73

Cần Thơ, ngày tháng năm 2020

HIỆU TRƯỞNG